

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Hà Nội - Tháng 06 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.
Tên viết tắt là : SHC
Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch
	Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phùng Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện đã trình bày tại thuyết minh số 6.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lã Tuấn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2018

Số. 541/2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng được lập ngày 01 tháng 06 năm 2018, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2016 và 31/12/2017. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận tại thời điểm 31/12/2016 với giá trị lần lượt là 432,9 tỷ đồng và 110,99 tỷ đồng, tại thời điểm 31/12/2017 với giá trị lần lượt là 193,2 tỷ đồng và 201,3 tỷ đồng. Do đó chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty;

Do cách thức quản lý của Tổng Công ty nên kiểm toán viên đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 của một số Công ty con. Với các thông tin đã được cung cấp và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thể đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty với giá trị tại ngày 31/12/2017 là: Tiền mặt: 4,43 tỷ đồng và Hàng tồn kho: 212,48 tỷ đồng. Do đó chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty.

Tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017, Tổng Công ty đang phản ánh trên khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang một số công trình đã ghi nhận hết doanh thu với số tiền là 9.805.971.923 đồng; Số dư hàng hóa tồn kho tại 31/12/2017 là 243.372.378 đồng không có hàng hóa tồn kho thực tế. Nếu điều chỉnh số liệu này thì kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Tổng Công ty giảm đi 10.049.344.301 đồng.

Tại ngày 31/12/2017, một số Công ty con của Tổng Công ty đang theo dõi nợ phải thu khách hàng, phải thu khác với tổng số tiền là 39,27 tỷ đồng, có dấu hiệu khó có khả năng thu hồi nhưng chưa được đánh giá giá trị tổn thất dự kiến và ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo đó, Kiểm toán viên ước tính, năm 2017 một số Công ty con của Tổng Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi thiếu là 31,81 tỷ đồng và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 giảm với số tiền tương ứng.

Tại thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng - Công ty con của Tổng Công ty. Số liệu được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang lấy theo số trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng. Do giới hạn trong việc thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về giá trị của tổng tài sản và nợ phải trả của Công ty con này với tổng số tiền tại 31/12/2017 lần lượt là 50,98 tỷ đồng và 62,06 tỷ đồng và ảnh hưởng của chúng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã cho bà Lê Thị Minh Nguyệt và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê phần diện tích tạm tính của khu văn phòng và khu dịch vụ thuộc dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 mà Tổng Công ty đang trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là tài sản xây dựng cơ bản dở dang (giá trị tài sản dở dang tạm tính là 23,73 tỷ đồng). Trong đó: giá trị cho Bà Lê Thị Minh Nguyệt thuê được phản ánh ở chỉ tiêu người mua trả tiền trước ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 21,45 tỷ đồng; giá trị cho Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê được phản ánh ở chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 54,97 tỷ đồng. Hiện nay, thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn tất nên Tổng công ty chưa hạch toán tăng bất động sản đầu tư, chưa ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty.

Ban điều hành dự án DH 1.6 đã thông báo ngừng hoạt động của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình từ ngày 20/10/2015, Văn phòng Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Ban DH 1.6 tại thời điểm 31/12/2017, số liệu lấy theo Báo cáo tài chính năm 2015. Chúng tôi không đánh giá được các ảnh hưởng của các khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của đơn vị này tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 6.3 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, tới ngày phát hành Báo cáo này Dự án vẫn chưa hoàn thành thủ tục quyết toán dự án đầu tư hoàn thành và xác định kết quả phân chia giữa các bên tham gia hợp tác đầu tư. Theo Biên bản tạm xác nhận lợi nhuận đầu tư dự án đã ký giữa Ban Quản lý Dự án Thái Hà, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng ngày 19/06/2015 thì lợi nhuận tạm phân chia từ việc bán căn hộ chung cư cho Tổng Công ty được xác định là 103,92 tỷ đồng. Tổng Công ty đã tạm hạch toán lợi nhuận từ phần bán căn hộ của Dự án là 103,92 tỷ đồng.

Như đã trình bày tại đoạn thứ ba, thuyết minh số 6.3 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tổng Công ty CP Sông Hồng đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009. Do có thay

đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty và tổng thầu là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đang làm việc để đối chiếu khối lượng phát sinh mà Tổng Công ty đã thực hiện. Đồng thời, các khoản chi phí lãi vay phải thu lại từ các nhà thầu phụ liên quan cũng sẽ được điều chỉnh khi Tổng Công ty thống nhất được với các nhà thầu phụ.

Như đã trình bày tại Cơ sở lập Báo cáo tài chính, thuyết minh số 4 Các chính sách kế toán áp dụng, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại thời điểm 30/9/2015, đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty là Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng đã thực hiện công tác kiểm toán và nộp hồ sơ bàn giao về Bộ Xây dựng. Năm 2017, Tổng Công ty đã trình Đại hội đồng cổ đông về phương án bổ sung vốn đối với phần vốn Nhà nước giảm sau bàn giao. Tuy nhiên, việc bổ sung đầy đủ số vốn giảm được thực hiện trong tháng 1 năm 2018. Báo cáo tài chính của Trường tại thời điểm 31/12/2017 được tổng hợp vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty như sau: Chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại 30/09/2015 được phản ánh trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác của Tổng Công ty với số tiền 65,2 tỷ đồng, và sẽ được giảm trừ tương ứng với phần vốn Nhà nước trong tháng 1 năm 2018.

Như trình bày tại Thuyết minh Hoạt động liên tục phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Tại ngày 31/12/2017, Công ty mẹ lỗ lũy kết là 455,9 tỷ đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 185,9 tỷ đồng, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, 2017 âm, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 261,7 tỷ đồng. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 6.2, 6.3, 6.4 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán ký ngày 14 tháng 04 năm 2017 có ý kiến dạng ngoại trừ. Các vấn đề ngoại trừ tại báo cáo kiểm toán hợp nhất cho năm tài chính 2016 vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và được trình bày chi tiết tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2018

Phan Thanh Nam

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND (đã trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.013.296.821.945	1.371.716.118.314
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	28.636.117.391	37.114.281.849
1. Tiền	111		28.636.117.391	37.114.281.849
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		540.468.515.169	735.324.388.351
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	247.719.380.666	322.834.526.997
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	279.538.306.614	318.396.240.629
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.464.037.281	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		1.817.394.361	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		414.445.095	724.113.670
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	210.414.648.189	294.897.482.806
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(201.899.697.037)	(203.345.370.112)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.817.394.361
IV. Hàng tồn kho	140		421.450.854.378	574.788.366.026
1. Hàng tồn kho	141	5.6	421.450.854.378	574.788.366.026
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.741.335.007	24.489.082.088
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	3.213.829.290	3.408.144.304
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.750.908.540	13.400.560.894
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	6.776.597.177	7.680.376.890
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		475.895.419.780	460.195.025.892
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		279.663.542.503	269.713.930.141
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	1.583.762.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	279.663.542.503	268.130.168.141
II. Tài sản cố định	220		19.262.190.495	34.444.318.972
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	19.262.190.495	33.785.030.605
- Nguyên giá	222		107.296.389.167	134.109.433.513
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.034.198.672)	(100.324.402.908)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	659.288.367
- Nguyên giá	228		10.700.000	1.449.147.395
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.700.000)	(789.859.028)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	73.899.689.270	71.348.791.762
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		73.899.689.270	71.348.791.762
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	84.386.500.170	60.467.747.271
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		73.827.386.228	49.908.633.329
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.259.113.942	12.259.113.942
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.683.497.342	24.220.237.746
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	18.527.214.607	23.457.559.437
2. Lợi thế thương mại	269		156.282.735	762.678.309
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			1.489.192.241.725	1.831.911.144.206
(270 = 100+200)	270			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND (đã trình bày lại)
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.658.874.410.009	1.928.187.737.487
I. Nợ ngắn hạn	310		1.336.442.535.910	1.593.316.860.265
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	312.568.780.675	416.937.570.335
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	142.064.948.842	198.252.169.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	28.214.422.257	49.555.338.371
4. Phải trả người lao động	314		15.932.877.104	19.692.518.985
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	380.774.506.136	339.499.826.975
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	99.068.910.844	157.949.451.433
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	357.599.708.286	410.295.251.778
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		218.381.766	1.134.732.824
II. Nợ dài hạn	330		322.431.874.099	334.870.877.222
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	55.170.809.696	55.170.809.696
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	267.142.664.403	262.307.646.937
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	118.400.000	17.392.420.589
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(169.682.168.284)	(96.276.593.281)
I- Vốn chủ sở hữu	410		(170.748.651.811)	(97.343.076.808)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.19	270.000.000.000	270.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		270.000.000.000	270.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.19	24.126.376.429	23.795.372.214
4. Cổ phiếu quỹ	415	5.19	(390.000.000)	(390.000.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.19	27.278.928.479	31.920.594.659
8. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419	5.19	25.981.000	25.981.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5.19	6.710.417.519	6.710.417.519
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.19	(486.716.461.218)	(443.305.472.875)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		(431.120.993.570)	(262.204.819.116)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(55.595.467.648)	(181.100.653.759)
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(11.783.894.020)	13.900.030.675
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.066.483.527	1.066.483.527
1. Nguồn kinh phí	431		935.789.083	935.789.083
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		130.694.444	130.694.444
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.489.192.241.725	1.831.911.144.206
(440 = 300+400)				

Người lập

Nguyễn Khánh Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2018

Tổng Giám đốc

Lã Tuấn Hưng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND (đã trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	187.809.124.729	693.075.456.929
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	16.870.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		187.792.254.729	693.075.456.929
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	172.055.944.325	710.132.295.237
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15.736.310.404	(17.056.838.308)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	4.885.568.281	3.325.085.336
7. Chi phí tài chính	22	5.24	41.918.815.992	52.212.082.801
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.918.815.992	54.945.908.732
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.990.482.310	3.881.071.870
9. Chi phí bán hàng	25	5.25	4.859.322.800	6.388.126.888
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	34.954.603.665	120.210.605.704
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(56.120.381.462)	(188.661.496.495)
12. Thu nhập khác	31	5.26	6.132.685.147	16.568.236.762
13. Chi phí khác	32	5.26	5.607.771.333	16.505.962.051
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		524.913.814	62.274.711
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(55.595.467.648)	(188.599.221.784)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	-	192.255.395
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(55.595.467.648)	(188.791.477.179)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(52.210.016.499)	(181.100.653.759)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.385.451.149)	(7.690.823.420)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	(1.937)	(6.717)

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lê Tuấn Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	
		Năm 2017 VND	VND (đã trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(55.595.467.648)	(188.599.221.784)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	7.498.494.557	11.479.611.730
- Các khoản dự phòng	03	(1.445.673.075)	76.223.649.542
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.885.568.281)	(4.215.778.842)
- Chi phí lãi vay	06	41.918.815.992	54.945.908.732
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(12.509.398.455)	(50.165.830.622)
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	185.510.690.202	230.479.078.877
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	153.337.511.648	141.433.694.058
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	(271.803.905.518)	(302.186.662.511)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	5.124.659.844	3.995.208.753
- Tiền lãi vay đã trả	14	(395.757.663)	(8.550.061.756)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(471.202.540)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(37.181.195)	(54.614.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.226.618.863	14.479.609.260
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(129.895.000)	(1.242.600.381)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.628.381.136
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(13.535.553.670)
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	9.390.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.937.500.000	5.100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	457.175.760	197.580.812
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.264.780.760	3.537.807.897
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	69.047.565.395	168.132.831.335
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(139.017.129.476)	(236.789.668.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(69.969.564.081)	(68.656.837.565)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(8.478.164.458)	(50.639.420.408)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.114.281.849	87.753.702.257
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	28.636.117.391	37.114.281.849

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lê Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.

Tên viết tắt là : SHC

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm 2017: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty, đơn vị	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%	55,73%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	57,78%	57,78%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	76,37%	76,37%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	65,63%	65,63%
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	57,08%	57,08%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100,00%	100,00%
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết		
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	43,25%	43,25%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%	48,91%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	21,00%	21,00%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	22,39%	22,39%
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Xây dựng CT Giao thông Hà Nội	22,51%	22,51%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%	48,75%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	62,81%	62,81%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	45,45%	45,45%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	13,33%	13,33%
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%	32,90%
Công ty Cổ phần Đầu tư và KD Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	22,51%	22,51%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%	35,50%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	37,98%	37,98%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

	<u>Địa chỉ</u>
Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Trường trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ Sông Hồng (đã bàn giao về Bộ Xây dựng)	Khu 6B, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6	Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà thi đấu Đà Nẵng	Đường 2/9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Ban điều hành thi công gói thầu số 3 – Dự án thoát nước Hà Nội	Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Ban quản lý dự án Khách sạn Royal Sông Hồng	Số 144 Phan Bội Châu, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
Ban quản lý dự án Khu nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Việt Nam	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban quản lý Dự án Khu đô thị Sông Hồng - Nhơn Trạch	Số A38, ấp Thị Cầu, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà thi đấu đa năng Tỉnh Nam Định	Phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại các văn bản số 1549/QĐ-Ttg ngày 08/09/2015 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc chuyển Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về Bộ Xây dựng; văn bản số 1075/QĐ-BXD ngày 21/09/2015 của Bộ Xây dựng về việc tiếp nhận Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng, tại thời điểm 30/9/2015, đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty là Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng ("Trường") đã thực hiện công tác kiểm toán và nộp hồ sơ bản giao về Bộ Xây dựng. Cụ thể các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Trường tại 30/09/2015 như sau: Tài sản ngắn hạn: 2,38 tỷ đồng; Tài sản dài hạn: 64,42 tỷ đồng; Nợ phải trả: 1,59 tỷ đồng và Vốn chủ sở hữu: 65,2 tỷ đồng.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2017, Công ty mẹ lỗ lũy kết là 455,9 tỷ đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 185,9 tỷ đồng, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, 2017 âm, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 261,7 tỷ đồng, các khoản nợ ngân hàng phần lớn đã quá hạn ảnh hưởng tới việc huy động vốn duy trì hoạt động của Tổng Công ty. Để khắc phục tình trạng này, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các biện pháp:

- Đàm phán với Ngân hàng gia hạn nợ, miễn giảm lãi vay.
- Tái cơ cấu Tổng Công ty thông qua việc chuyển nhượng phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết. Cụ thể, tại Văn bản số 39/TCT-HĐQT ngày 16/5/2017 của Hội đồng quản trị về việc báo cáo "Phương án tái cấu trúc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng giai đoạn 2017 – 2020" với các nội dung chính: Tái cấu trúc tài chính, tái cấu trúc vốn và sở hữu tại các công ty con, tái cấu trúc các khoản đầu tư.
- Tích cực quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.
- Tăng vốn điều lệ thêm 180 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2017 bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông.

Bằng các biện pháp trên, cùng với sự hỗ trợ của Cổ đông lớn là Bộ Xây dựng, Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên do chưa thu thập đầy đủ các báo cáo tài chính của các công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2017 nên tại báo cáo này, các khoản đầu tư được trình bày theo Phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. *Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	4.603.871.140	5.771.891.196
Tiền gửi ngân hàng	24.032.246.251	31.342.390.653
Tổng	28.636.117.391	37.114.281.849

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND (đã trình bày lại)
Ban quản lý Dự án ĐTPT Giao thông đô thị Hà Nội	15.573.392.500	29.840.082.455
Sở Văn Hóa thể thao du lịch Tỉnh Nam Định	20.081.781.282	13.318.357.753
BQL dự án Cung quy hoạch, hội chợ và triển lãm tỉnh Quảng Ninh	27.762.039.000	27.762.039.000
Các đối tượng khác	184.302.167.884	251.914.047.789
Tổng	247.719.380.666	322.834.526.997

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND (đã trình bày lại)
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng (Sông Hồng 24)	43.574.509.655	43.574.509.655
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126.390.086.131	126.390.086.131
Các đối tượng khác	109.573.710.828	148.431.644.843
Tổng	279.538.306.614	318.396.240.629

5.4 Các khoản phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	210.414.648.189	(81.597.666.440)	294.897.482.806	(81.672.566.440)
- Phải thu về CP hóa	3.272.316.156	-	3.472.316.156	-
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	3.720.227.480	-	3.720.227.480	-
- Tạm ứng	52.466.927.333	(5.208.684.018)	111.007.010.251	(5.283.684.018)
- Ký cược, ký quỹ	1.769.137.050	-	290.550.000	-
- Phải thu khác	149.186.040.170	(76.388.982.422)	176.407.378.919	(76.388.882.422)
+ <i>Phải thu về việc bàn giao Trường về BXD (*)</i>	<i>65.219.780.509</i>	<i>-</i>	<i>65.219.780.509</i>	<i>-</i>
+ Công ty CP Sông Hồng 6	27.893.362.959	(27.893.362.959)	27.893.362.959	(27.893.362.959)
+ Phải thu khác	56.072.896.702	(48.495.619.463)	83.294.235.451	(48.495.519.463)
Dài hạn	279.663.542.503	-	268.130.168.141	-
- Ký cược, ký quỹ	9.880.178.097	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
<i>Ban Quản lý Dự án Thái Hà</i>	<i>258.939.504.206</i>	<i>-</i>	<i>257.137.217.141</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>10.843.860.200</i>	<i>-</i>	<i>10.992.951.000</i>	<i>-</i>
Tổng	490.078.190.692	(81.597.666.440)	563.027.650.947	(81.672.566.440)

Trong đó:

(*): Theo hướng dẫn tại các văn bản số 1549/QĐ-Ttg ngày 08/09/2015 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc chuyên Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về Bộ Xây dựng; văn bản số 1075/QĐ-BXD ngày 21/09/2015 của Bộ Xây dựng về việc tiếp nhận Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng, tại thời điểm 30/9/2015, đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty là Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng ("Trường") đã thực hiện công tác kiểm toán và nộp hồ sơ bàn giao về Bộ Xây dựng. Cụ thể các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Trường tại 30/09/2015 như sau: Tài sản ngắn hạn: 2,38 tỷ đồng; Tài sản dài hạn: 64,42 tỷ đồng; Nợ phải trả: 1,59 tỷ đồng và Vốn chủ sở hữu: 65,2 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.5 Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	232.371.681.392	30.471.984.355	232.371.581.392	29.026.211.280
Trong đó:		Quá hạn trên 01 năm	Quá hạn trên 02 năm	Quá hạn trên 03 năm
Công ty CP Sông Hồng 6			27.893.362.959	
Công ty CP Sông Hồng 36			19.190.611.925	
Cty CP đầu tư XD Minh Phương			9.100.000.000	
Công ty CP Tư vấn TK&XD Sông Hồng			9.750.490.759	
Các đối tượng khác			166.437.215.749	
Tổng		-	232.371.681.392	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.247.024.918	-	3.706.610.011	-
Công cụ, dụng cụ	75.959.560	-	254.468.140	-
Chi phí SXKD dở dang	377.723.343.080	-	526.903.793.018	-
Thành phẩm nhập kho	3.624.526.820	-	5.065.679.357	-
Hàng hóa BĐS(*)	38.780.000.000	-	38.780.000.000	-
Hàng hóa	-	-	77.815.500	-
Tổng	421.450.854.378	-	574.788.366.026	-

(*): Khoản tiền Tổng Công ty chi để mua lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ, hiện các lô đất này đã được chuyển nhượng cho các cá nhân khác bên ngoài nhưng do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý nên vẫn đang theo dõi khoản tiền này trên khoản mục hàng tồn kho và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này trên khoản mục người mua trả tiền trước trên Báo cáo tài chính hợp nhất, số tiền 38.780.000.000 đồng.

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND (đã trình bày lại)
Ngắn hạn	3.213.829.290	3.408.144.304
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	3.213.829.290	3.408.144.304
Dài hạn	18.527.214.607	23.457.559.437
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	1.232.129.780	2.108.436.056
Giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng	1.933.333.320	2.733.333.320
Lợi thế thương mại phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp		
- Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội	15.139.276.164	18.393.314.717
- Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222.475.343	222.475.344
Tổng	21.741.043.897	26.865.703.741

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẤU B 09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	41.129.718.967	65.501.883.046	25.847.980.952	1.629.850.548	134.109.433.513
Tăng trong năm	541.144.837	129.895.000	-	-	671.039.837
Mua trong năm	-	129.895.000	-	-	129.895.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	284.214.545	-	-	-	284.214.545
Tăng khác	256.930.292	-	-	-	256.930.292
Giảm trong năm	12.369.570.342	12.306.013.083	2.650.817.900	157.682.858	27.484.084.183
Thanh lý, nhượng bán	2.387.324.214	-	-	-	2.387.324.214
Giảm do thoái vốn Công ty con Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	9.982.246.128	12.306.013.083	2.650.817.900	157.682.858	25.096.759.969
Số dư tại 31/12/2017	29.301.293.462	53.325.764.963	23.197.163.052	1.472.167.690	107.296.389.167
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	31.578.280.417	49.227.776.223	18.187.377.305	1.330.968.963	100.324.402.908
Tăng trong năm	1.173.729.626	4.209.856.352	2.091.831.871	23.076.708	7.498.494.557
Khấu hao trong năm	1.173.729.626	4.209.856.352	2.091.831.871	23.076.708	7.498.494.557
Giảm trong năm	9.286.791.173	8.221.913.909	2.169.239.618	110.754.093	19.788.698.793
Thanh lý, nhượng bán	795.774.738	-	-	-	795.774.738
Giảm do thoái vốn Công ty con Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	8.491.016.435	8.221.913.909	2.169.239.618	110.754.093	18.992.924.055
Số dư tại 31/12/2017	23.465.218.870	45.215.718.666	18.109.969.558	1.243.291.578	88.034.198.672
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	9.551.438.550	16.274.106.823	7.660.603.647	298.881.585	33.785.030.605
Tại 31/12/2017	5.836.074.592	8.110.046.297	5.087.193.494	228.876.112	19.262.190.495

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay: 8.419.070.396
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.611.070.956



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	1.438.447.395	10.700.000	1.449.147.395
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	1.438.447.395	-	1.438.447.395
Giảm do thoái vốn Công ty con Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	1.438.447.395	-	1.438.447.395
Số dư tại 31/12/2017	-	10.700.000	10.700.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	779.159.028	10.700.000	789.859.028
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	779.159.028	-	779.159.028
Giảm do thoái vốn Công ty con Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	779.159.028	-	779.159.028
Số dư tại 31/12/2017	-	10.700.000	10.700.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	659.288.367	-	659.288.367
Tại 31/12/2017	-	-	-

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	73.899.689.270	71.348.791.762
- Khách sạn Royal Sông Hồng (i)	35.597.135.193	32.672.912.492
- Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 – tạm tính (ii)	23.725.454.545	23.725.454.545
- Dự án Khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật (iii)	12.581.660.114	12.442.134.286
- Các dự án khác	1.995.439.418	2.508.290.439
Tổng	73.899.689.270	71.348.791.762

Trong đó:

(i): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện theo kế hoạch ban đầu là 18 tháng. Nhưng do khó khăn trong vấn đề cấp vốn nên Dự án phải kéo dài hơn so với kế hoạch. Tính đến thời điểm lập BCTC này, Dự án đã hoàn thành các hạng mục chính. Các hạng mục còn lại là Hệ thống điều áp và Thang máy sẽ được triển khai tiếp trong thời gian tới.

Theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 30/03/2015 của Hội đồng quản trị thì Tổng Công ty đang có kế hoạch tìm các đối tác đầu tư thành lập công ty để quản lý khai thác dự án, Tổng Công ty tham gia góp 45% vốn điều lệ tương ứng với phần chi phí đã bỏ ra.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.10 Tài sản dở dang dài hạn (Tiếp theo)

Tài sản hình thành từ Dự án được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

(ii): Giá trị tạm tính phần diện tích văn phòng thuộc Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 được phân chia theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

(iii) Đây là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc chuẩn bị đầu tư, xây dựng công trình "Dự án khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật" theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 06/03/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia về việc thực hiện Dự án nhà ở cán bộ, công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia trên các lô đất 04 - BT3, 04 - CT2 và 04 - CT3 thuộc khu vực quy hoạch Bắc Cổ Nhuế - Chèm, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Theo thỏa thuận trong biên bản hợp ngày 26/11/2015 giữa Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng thì sau khi xây dựng hoàn thành, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đảm bảo cung cấp cho Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia khoảng 175 căn hộ để phục vụ cho cán bộ, công chức Nhà xuất bản với giá bán là 16.500.000 đồng/m² (giá bán đã bao gồm VAT và phí bảo trì). Phần diện tích và căn hộ đầu tư thêm, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia thống nhất để Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện bỏ vốn kinh doanh. Theo Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 22/07/2014 của Hội đồng Quản trị thì Dự án được thực hiện với tổng mức đầu tư là 1.595 tỷ và thời gian thực hiện là 03 năm từ quý I/2014 đến quý IV/2016. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị giải phóng mặt bằng để thực hiện xây dựng công trình.

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017	Đơn vị tính: VND
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>73.827.386.228</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
		<u>49.908.633.329</u>
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết		
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	480.912.114	480.912.114
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	39.366.161.988	34.442.029.618
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	344.772.685	344.772.685
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	15.337.115.721	-
Công ty CP Đầu tư TM và Xây dựng Công trình	4.711.850.417	4.711.850.417
Giao thông Hà Nội		
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	648.026.584	648.026.584
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	1.203.349.107	1.203.349.107
Công ty CP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	3.591.154.868	-
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	8.030.536.408	7.964.186.468
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	113.506.336	113.506.336

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	12.259.113.942	-	(1.700.000.000)	12.259.113.942
Góp vốn vào công ty khác				
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1.038.110	-	-	1.038.110
Công ty Cổ phần Nhóm Sông Hồng	1.264.586.273	-	-	1.264.586.273
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	500.000.000	-	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	4.063.089.559	-	-	4.063.089.559
Công ty CP Sông Hồng 9	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Sông Hồng (Công ty Cổ phần Sông Hồng 6)	1.700.000.000	-	(1.700.000.000)	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Reenco Thăng Long	1.490.400.000	-	-	1.490.400.000
Công ty Cổ phần Reenco Hòa Bình	240.000.000	-	-	240.000.000
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Tổng	12.259.113.942	(*)	(1.700.000.000)	12.259.113.942
				(*) (1.700.000.000)

(*) Công ty không xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các công ty được đầu tư này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị hợp lý thông qua các kỹ thuật định giá.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.12 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a, Ngắn hạn	312.568.780.675	312.568.780.675	416.937.570.335	416.937.570.335
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	26.500.156.760	26.500.156.760	26.801.085.137	26.801.085.137
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	38.665.405.632	38.665.405.632	30.467.159.269	30.467.159.269
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	12.037.666.996	12.037.666.996	10.593.932.599	10.593.932.599
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	28.493.447.615	28.493.447.615	20.138.484.165	20.138.484.165
Các công ty khác	206.872.103.672	206.872.103.672	328.936.909.165	328.936.909.165
Tổng	312.568.780.675	312.568.780.675	416.937.570.335	416.937.570.335

5.13 Người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a, Ngắn hạn	142.064.948.842	142.064.948.842	198.252.169.564	198.252.169.564
Các hộ dân DA biệt thự Tây Hồ	38.780.000.000	38.780.000.000	38.780.000.000	38.780.000.000
Bà Lê Thị Minh Nguyệt	21.454.000.000	21.454.000.000	21.454.000.000	21.454.000.000
Các đối tượng khác	81.830.948.842	81.830.948.842	138.018.169.564	138.018.169.564
Tổng	142.064.948.842	142.064.948.842	198.252.169.564	198.252.169.564

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	Phải nộp	49.555.338.371	(9.845.762.302)	10.431.042.685
Thuế giá trị gia tăng	38.018.900.001	(2.176.708.937)	9.486.370.904	21.414.820.173
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.876.366.220	(7.834.216.285)	-	42.149.935
Thuế thu nhập cá nhân	835.415.273	64.716.680	279.041.953	712.045.688
Thuê tài nguyên	47.704.000	-	-	47.704.000
Thuế nhà đất tiền thuê đất	1.286.097.760	97.446.240	637.795.000	2.410.132.400
Thuế khác	396.252.808	3.000.000	27.834.828	371.417.980
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.094.602.309	-	-	3.216.152.081
Phải thu	7.680.376.890	759.265.879	-	6.776.597.177
Thuế giá trị gia tăng vãng lai	7.506.763.604	831.522.796	-	6.675.240.808
Thuế TNDN nộp thừa	92.821.146	-	-	92.821.146
Thuế thu nhập cá nhân	72.256.917	(72.256.917)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.535.223	-	-	8.535.223

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.15 Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	99.068.910.844	157.949.451.433
Kinh phí công đoàn	969.107.591	1.175.214.740
Bảo hiểm xã hội	9.421.864.517	12.443.866.712
Bảo hiểm y tế	1.513.875.718	1.137.805.748
Bảo hiểm thất nghiệp	529.173.124	525.890.951
Phải trả về CP hóa	4.169.029.883	5.783.609.098
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	120.477.647
Phải trả, phải nộp khác	82.465.860.011	136.762.586.537
- Công ty CP Nhóm Sông Hồng	3.862.093.801	3.862.093.801
- Phải trả UBND Tỉnh Phú Thọ (Xi Măng Yên Mao)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải trả Ban quản lý dự án biệt thự Tây Hồ	600.000.000	600.000.000
- Cổ tức phải trả cổ đông	22.919.286.000	22.919.286.000
- Công ty CP Phát triển XD và XNK Sông Hồng	564.011.674	564.011.674
- Vay không tính lãi	2.586.548.716	2.586.548.716
- Khoản lỗ tại chi nhánh Miền Đông trước CP hóa chờ xử lý	9.578.124.594	9.578.124.594
- Lãi vay phải trả (An Dương, Thăng Long)	-	21.859.607.351
- Phải trả lương nhân công (An Dương)	5.881.264.677	4.594.680.085
- Phải trả tiền lương, vật tư cho Ctr (SH1)	-	8.533.453.712
- Phải trả chi phí bảo trì tòa nhà CT3 Trung văn (SH1)	-	5.218.640.473
- Các khoản phải trả khác	35.474.530.549	55.446.140.131
Dài hạn	267.142.664.403	262.307.646.937
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3 Dự án Thái Hà chờ quyết toán	231.721.064.783	231.721.064.783
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	174.205.096	2.111.705.096
Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo số tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà	26.098.000.000	26.124.877.058
Các khoản khác	9.149.394.524	2.350.000.000
Tổng	366.211.575.247	420.257.098.370

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	380.774.506.136	339.499.826.975
Chi phí lãi vay phải trả	134.097.934.689	112.073.507.909
Trích trước giá vốn công trình		
<i>Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I</i>	<i>86.584.029.099</i>	<i>86.584.029.099</i>
<i>Công trình Nhà thi đấu Đà Nẵng và Trung tâm Hành chính</i>	<i>34.678.199.577</i>	<i>34.678.199.577</i>
<i>Công trình Cấp thoát nước Hà Nội</i>	<i>22.206.644.433</i>	<i>24.154.934.237</i>
<i>Công trình Nhà thi đấu Nam Định</i>	<i>-</i>	<i>4.091.302.055</i>
<i>Công trình khác và chi phí khác</i>	<i>103.207.698.338</i>	<i>77.917.854.098</i>
Tổng	380.774.506.136	339.499.826.975

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dài hạn	55.170.809.696	55.170.809.696
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng (*)	54.973.840.000	54.973.840.000
Doanh thu sử dụng thương hiệu Sông Hồng	196.969.696	196.969.696
Tổng	55.170.809.696	55.170.809.696

Trong đó:

(*): Doanh thu cho thuê văn phòng thuộc Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 theo hợp đồng số 06/2012/HDTVP/TCT-SH Land ngày 04/09/2012 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 Vay và nợ thuế tài chính

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	165.191.316.573	165.191.316.573	69.047.565.395	117.378.696.535 #	213.522.447.713	213.522.447.713	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (i)	-	-	-	5.524.213.979	5.524.213.979	5.524.213.979	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	-	-	54.830.166.951	54.830.166.951	54.830.166.951	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	7.461.960.234	7.461.960.234	17.067.555.817	16.752.324.688	7.146.729.105	7.146.729.105	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	65.023.992.253	65.023.992.253	-	2.559.915.917	67.583.908.170	67.583.908.170	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	34.221.454.880	34.221.454.880	2.753.004.808	-	31.468.450.072	31.468.450.072	
Vay đối tượng khác	58.483.909.206	58.483.909.206	49.227.004.770	37.712.075.000	46.968.979.436	46.968.979.436	
Nợ đến hạn trả	192.408.391.713	192.408.391.713	-	4.364.412.352	196.772.804.065	196.772.804.065	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	-	-	-	4.364.412.352	4.364.412.352	4.364.412.352	
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh (iii)	192.408.391.713	192.408.391.713	-	-	192.408.391.713	192.408.391.713	
Vay dài hạn	118.400.000	118.400.000	-	17.274.020.589	17.392.420.589	17.392.420.589	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	-	-	-	17.274.020.589	17.274.020.589	17.274.020.589	
Vay đối tượng khác	118.400.000	118.400.000	-	-	118.400.000	118.400.000	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2509/2012/HĐTD ngày 25/09/2012 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy với tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 20.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng tối đa không quá 8 tháng; Hợp đồng tín dụng được gia hạn đến hết ngày 30/03/2015 theo thông báo V/v phê duyệt gia hạn nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy ngày 30/09/2014. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây lắp. Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2015 là 6.424.000.000 VND. Hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền sử dụng đất tại 70 An Dương, Tây Hồ, Hà Nội và Ngõ 49 đường Hùng Vương, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc với tổng giá trị là 6.050.000.000 VND.

30
 20
 10
 00
 10
 20
 30
 40
 50
 60
 70
 80
 90
 00

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính, hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN/HN

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(ii): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 100092/NHNTHD ngày 17/05/2010 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, số tiền cho vay tối đa là 21.419.000.000 VND. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 72 tháng ngay sau khi kết thúc thời gian ân hạn, kỳ hạn trả nợ gốc là 06 tháng/1 kỳ. Lãi suất cho vay theo từng giây nhận nợ, được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo từng kỳ. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Khách sạn Royal Sông Hồng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tài sản thế chấp là công trình Khách sạn Royal Sông Hồng tại đường Phan Bội Châu, thành phố Lào Cai hình thành từ "Dự án đầu tư xây dựng công trình Khách sạn Royal Sông Hồng" và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng 02/HD-VEC/2011 và Hợp đồng 01/2011/CP-3.

(iii): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Ang 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngán hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Ang 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn.

Y I N AM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số dư đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
							chưa phân phối	chưa phân phối		
Số dư tại 01/01/2016	270.000.000.000	23.795.372.214	(390.000.000)	33.433.342.619	25.981.000	6.224.238.829	(234.388.523.952)	26.680.307.929	125.380.718.639	486.178.690
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	486.178.690	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	486.178.690	-	-	-	486.178.690
Tăng khác	-	-	-	1.512.747.960	-	-	208.916.948.923	12.780.277.254	223.209.974.137	223.209.974.137
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	179.441.655.860	12.780.277.254	192.221.933.114	192.221.933.114
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng/ Giảm do chuyển Công ty công ty con thành liên kết	-	-	-	1.512.747.960	-	-	-	-	-	1.512.747.960
Điều chỉnh hồi tố năm trước	-	-	-	-	-	-	21.784.469.643	-	-	21.784.469.643
Tăng/ Giảm do ghi nhận bổ sung lỗ lũy kế các năm trước cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	7.690.823.420	-	-	7.690.823.420
Số dư tại 31/12/2016	270.000.000.000	23.795.372.214	(390.000.000)	31.920.594.659	25.981.000	6.710.417.519	(443.305.472.875)	13.900.030.675	(97.343.076.808)	(97.343.076.808)
Số dư tại 01/01/2017	270.000.000.000	23.795.372.214	(390.000.000)	31.920.594.659	25.981.000	6.710.417.519	(443.305.472.875)	13.900.030.675	(97.343.076.808)	2.839.472.365
Tăng trong năm	-	1.606.879.215	-	-	-	-	1.232.593.150	-	-	2.839.472.365
Lãi do chuyển Công ty con thành Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	1.232.593.150	-	-	1.232.593.150
Tăng khác	-	1.606.879.215	-	-	-	-	-	-	-	1.606.879.215
Giảm trong năm	-	1.275.875.000	-	4.641.666.180	-	-	44.643.581.493	25.683.924.695	76.245.047.368	76.245.047.368
Lỗ	-	-	-	-	-	-	52.210.016.499	3.385.451.149	55.595.467.648	55.595.467.648
Tăng/ Giảm do chuyển Công ty con thành liên kết	-	1.275.875.000	-	4.641.666.180	-	-	(7.566.435.006)	22.298.473.546	20.649.579.720	20.649.579.720
Số dư tại 31/12/2017	270.000.000.000	24.126.376.429	(390.000.000)	27.278.928.479	25.981.000	6.710.417.519	(486.716.461.218)	(11.783.894.020)	(170.748.651.811)	(170.748.651.811)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của Nhà nước	197.631.780.000	197.631.780.000
Các đối tượng khác	72.368.220.000	72.368.220.000
Tổng	270.000.000.000	270.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	270.000.000.000	270.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	270.000.000.000	270.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	27.278.928.479	31.920.594.659
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	25.981.000	25.981.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.710.417.519	6.710.417.519
Tổng	34.015.326.998	38.656.993.178

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.384.616.323	4.434.215.168
Doanh thu bán hàng	34.295.489.542	73.821.155.678
Doanh thu hợp đồng xây dựng	151.129.018.864	614.820.086.083
Tổng	187.809.124.729	693.075.456.929

5.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	16.870.000	-
Tổng	16.870.000	-

5.22 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	652.497.827	4.095.714.122
Giá vốn hàng bán	25.454.784.293	50.715.341.079
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	145.948.662.205	655.321.240.036
Tổng	172.055.944.325	710.132.295.237

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	457.175.760	214.085.336
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	867.000.000
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	2.244.000.000
Lãi ngân hàng được miễn giảm	4.428.392.521	-
Tổng	4.885.568.281	3.325.085.336

5.24 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	41.918.815.992	54.945.908.732
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(2.733.825.931)
Tổng	41.918.815.992	52.212.082.801

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.25 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí bán hàng	4.859.322.800	6.388.126.888
Chi phí nhân viên	2.634.326.078	806.753.579
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.235.688.692	77.248.720
Thuế phí và lệ phí	-	281.017.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	989.308.030	2.146.929.424
Chi phí bằng tiền khác	-	3.076.178.065
Chi phí quản lý	34.954.603.665	120.210.605.704
Chi phí nhân viên quản lý	17.060.379.493	26.964.080.265
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	192.693.755	1.136.638.458
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.400.589.871	4.532.753.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.488.742.752	4.517.171.319
Thuế phí và lệ phí	1.256.263.223	2.120.181.762
Chi phí dự phòng	(75.000.000)	75.881.311.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.826.969.423	2.020.808.267
Chi phí khác bằng tiền	2.803.965.148	3.037.661.223
Tổng	39.813.926.465	126.598.732.592

5.26 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác	4.398.203.221	1.469.316.961
Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng	297.942.318	11.097.173.399
Phí thầu chính, thầu phụ	-	2.826.510.038
Thanh lý vật liệu	-	890.693.506
Thu nhập ròng từ thanh lý TSCĐ	1.436.539.608	284.542.858
Thu nhập khác	-	-
Tổng	6.132.685.147	16.568.236.762
Chi phí khác	242.184.777	3.673.967.709
Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế	635.100.990	2.304.111.298
Khấu hao TSCĐ tại Cty TNHH MTV Cơ Giới Sông Hồng và Cty Sông Hồng An Dương	-	8.654.357.927
Chi phí tổn thất đầu tư dự án Nhơn Trạch	1.344.616.986	-
Ngân hàng thu lãi phạt	1.493.463.514	-
Chi phí phạt theo quyết định của tòa án	1.892.405.066	1.873.525.117
Chi phí khác	-	-
Tổng	5.607.771.333	16.505.962.051

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.27 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	-	192.255.395
Tổng	-	192.255.395

5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(55.595.467.648)	(188.791.477.179)
Các khoản điều chỉnh		
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(52.210.016.499)	(181.100.653.759)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(3.385.451.149)	(7.690.823.420)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	(52.210.016.499)	(181.100.653.759)
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	39.000	39.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	26.961.000	26.961.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.937)	(6.717)

5.29 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.189.941.663	44.431.055.332
Chi phí nhân công	21.232.747.054	50.275.953.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.092.131.753	5.606.336.785
Chi phí dự phòng	(75.000.000)	74.564.651.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.068.464.642	266.270.044.331
Chi phí khác bằng tiền	8.694.801.838	253.264.734.882
Tổng	194.203.086.950	694.412.776.764

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 05/01/2018, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đã chào bán thành công 6.521.978 cổ phiếu, tương ứng với phần vốn Nhà nước giảm khi bàn giao Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng về cho Bộ Xây dựng. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có công văn số 289/UBCK-QLCB ngày 12/01/2018 về việc đã nhận được đầy đủ tài liệu Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ 6.521.978 cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	Lương, thù lao	2.808.198.158	2.482.181.475
Ban kiểm soát	Lương, thù lao	445.002.137	518.424.927

Giao dịch với bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giao dịch bán hàng			
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng 36	Thu nhập khác	-	139.500.000
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Thu nhập khác	80.025.000	21.600.000
Tổng		80.025.000	161.100.000
Giao dịch mua hàng			
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Thuê lại thi công XL	-	1.282.605.435
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Thuê lại thi công XL	4.742.404.695	52.101.412.248
Tổng		4.742.404.695	53.384.017.683

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư với bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	205.990.037	205.990.037
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	13.776.454	13.776.454
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khách hàng	13.505.443.049	13.255.443.049
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khách hàng	422.415.865	422.415.865
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3.897.962.892	3.897.962.892
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu khách hàng	460.501.447	460.501.447
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khách hàng	19.785.826	19.785.826
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3.191.001.774	3.191.001.774
Tổng		21.716.877.344	21.466.877.344
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Trả trước người bán	1.143.596.893	1.143.596.893
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	1.307.203.000	1.000.000.000
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Trả trước người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7.100.654.421	7.100.654.421
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Trả trước người bán	126.390.086.131	126.390.086.131
Tổng		144.741.540.445	144.434.337.445
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khác	3.366.376.301	59.951.900
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	1.929.686.382	1.929.686.382
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	696.417.807	696.417.807
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khác	12.089.957.504	14.436.993.970
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông	Phải thu khác	3.234.630.000	3.320.000.000
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khác	151.454.470	151.454.470
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khác	8.702.653.581	8.702.653.581
Tổng		30.171.176.045	29.297.158.110
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	26.500.156.760	3.711.553.397
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả người bán	38.665.405.632	30.467.159.269
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải trả người bán	7.723.693.316	3.233.337.794
Công ty CP Đầu tư TM&XD CT Giao thông Hà	Phải trả người bán	-	2.610.987.220
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải trả người bán	75.267.249	-
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Phải trả người bán	12.037.666.996	10.593.932.599
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Phải trả người bán	277.675.257	338.941.257
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải trả người bán	38.942.931	-
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông	Phải trả người bán	2.528.899.709	195.159.507
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải trả người bán	6.644.357.996	6.074.453.511
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả người bán	1.275.927.812	-
Tổng		95.767.993.658	57.225.524.554

6.3 Thông tin khác

Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chi tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2014-2015 theo Nghị quyết của Trung ương khóa IX và sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Xây dựng về nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 3351/BXD-QLDN ngày 18/12/2014 về việc chấp thuận phương án tái cấu trúc và nâng cao quản trị Tổng Công ty giai đoạn 2014-2015 và mục tiêu 2020, Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại 17 đơn vị. Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhôm Sông Hồng. Đến tháng 01 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô.

Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty CP Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.4 Cam kết về đầu tư khác

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long đã quyết định dừng hợp tác đầu tư dự án trên với Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng do gặp khó khăn về tài chính, hồ sơ pháp lý khu đất không đầy đủ do thế chấp ngân hàng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Công văn số 74/CV-SH6 ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 đã đề nghị chấm dứt việc hợp tác đầu tư dự án tại khu đất của Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 tại TP Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc do gặp khó khăn về tài chính. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

6.5 Các khoản nợ tiềm tàng và cam kết Bảo lãnh vay vốn

Tại thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty có các khoản nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng:

- (i) Tại Văn bản số 1206/TCT-TCKT ngày 19/9/2014, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh khoản vay Ngân hàng và bảo lãnh khác cho Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng số tiền 60 tỷ đồng; trong đó (khoản bảo lãnh vay Ngân hàng NN&PT Nông thôn Chi nhánh Hoàn Kiếm số tiền 40 tỷ đồng); (khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành công trình là 20 tỷ đồng), trong trường hợp Công ty con này không có khả năng trả nợ. Tổng số dư nợ vay được bảo lãnh tại ngày 31/12/2016 là 44,04 tỷ đồng tại ngày 31/12/2017 là 44,04, tỷ đồng.
- (ii) Tại Văn bản số 2072/TCT-TCKT ngày 19/12/2012, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh khoản vay Ngân hàng NN & PTNT – Chi nhánh Hoàn Kiếm cho Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương số tiền 40 tỷ đồng, trong trường hợp công ty con này không có khả năng trả nợ. Tổng số dư nợ vay được bảo lãnh tại ngày 31/12/2016 là 30,36 tỷ đồng tại ngày 31/12/2017 là 30,36, tỷ đồng.
- (iii) Tại Văn bản số 435/TCT-TCKT ngày 04/4/2011, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội cho Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng số tiền 100 tỷ đồng, trong trường hợp công ty con này không có khả năng trả nợ. Tổng số dư nợ vay được bảo lãnh tại ngày 31/12/2016 là 100 tỷ đồng tại ngày 31/12/2017 là 100 tỷ đồng. Theo Bản án số 03/2017/KDTM-ST ngày 19/6/2017 của Tòa án Nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo đó Tổng Công ty Sông Hồng phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Thép Sông Hồng số tiền là: 261.878.051.607 đồng, (trong đó nợ gốc 95.438.288.472 đồng, nợ lãi trong hạn 4.058.000.020 đồng, nợ lãi quá hạn 162.381.763.115 đồng). Công ty đã thực hiện các thủ tục pháp lý kháng cáo bản án sơ thẩm trên, đến thời điểm 30/03/2018 Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội vẫn chưa xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.6 Báo cáo bộ phận*Theo lĩnh vực kinh doanh:*

Doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty trong năm chủ yếu phát sinh từ hoạt động xây lắp với tỷ trọng chiếm trên 90% của Tổng doanh thu và lợi nhuận. Do đó, Tổng Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chỉ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

6.7 Điều chỉnh hồi tố

Trong năm, Tổng Công ty quyết định thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót liên quan đến việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí lãi vay phải trả của Công trình Vũng Áng. Việc điều chỉnh hồi tố tuân thủ theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi Chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, các sai sót được điều chỉnh vào đầu kỳ của số liệu so sánh.

Cụ thể:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	01/01/2017 VND	31/12/2016 VND	Chênh lệch VND
TÀI SẢN			
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(203.345.370.112)	(201.686.372.213)	1.658.997.899
TỔNG	256.775.181.751	255.116.183.852	1.658.997.899
NGUỒN VỐN			
Chi phí phải trả ngắn hạn	339.499.826.975	323.334.596.275	16.165.230.700
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(443.305.472.875)	(425.481.244.276)	(17.824.228.599)
TỔNG	(103.805.645.900)	(102.146.648.001)	(1.658.997.899)

Trong đó: Điều chỉnh hồi tố chi phí dự phòng phải thu khó đòi vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 là 1.658.997.899 đồng, điều chỉnh hồi tố chi phí lãi vay phải trả vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 là 16.165.230.700 đồng.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2016 (đã trình bày lại) VND	Năm 2016 (trước điều chỉnh) VND	Chênh lệch VND
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	120.210.605.704	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(188.599.221.784)	(186.940.223.885)	(1.658.997.899)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.8 Thông tin so sánh

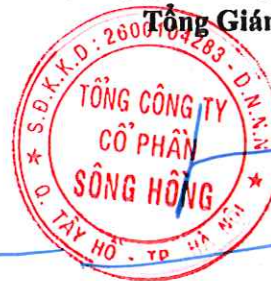
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng

